

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2022/DS-ST
Ngày: 12 - 4 - 2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài
sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Tấn Hưng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Sâm Châu.

Bà Lý Thị Bạch Tuyết.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa:
Ông Lê Viết Xuân – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 19 tháng 01 năm 2022 và ngày 12 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 63/2021/TLST - DS ngày 24 tháng 3 năm 2021 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2021/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 262/2021/QĐST-DS ngày 21 tháng 12 năm 2021; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 45/2022/QĐST-DS ngày 19/01/2022; Thông báo số 171/TB-TA ngày 18/02/2022; Thông báo số 424/TB-TA ngày 14/3/2022; Thông báo số 528/TB-TA ngày 29/3/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1988.

Địa chỉ: B90, tổ 7, ấp 6, xã H, huyện LT, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Tuấn Ng, sinh năm 1963 theo giấy ủy quyền ngày 16/3/2021 (có mặt).

Địa chỉ: 512 Đường L, Tổ 01, khu P, thị trấn LT, huyện LT, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Chị Lê Thị Hồng N, sinh năm 1989 (có mặt).

Nơi đăng ký thường trú: Số 21B, hẻm 21, đường H, tổ 27, khu K, thị trấn LT, huyện LT, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ: C31, Ấp 02, xã H, huyện LT, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 22 tháng 03 năm 2021, các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị T do ông Võ Tuấn Ng đại diện trình bày:

Chị T và chị N là bạn bè quen biết nhau.

Vào ngày 02/10/2020 chị T có cho chị N vay số tiền 460.000.000 đồng, có làm giấy vay, không có thời hạn vay, thỏa thuận lãi suất 0,5%/tháng, tiền lãi thỏa thuận trả vào ngày 10 tây hàng tháng, thời gian tính lãi suất cho chị N bắt đầu từ ngày 10/10/2020; từ khi vay cho đến nay chị N không trả lãi cho chị T.

Nay chị T yêu cầu Tòa án buộc chị Lê Thị Hồng N trả lại cho chị số tiền 460.000.000 đồng (bốn trăm sáu mươi triệu đồng) mà chị N đã vay của chị T và tiền lãi tính từ ngày 10/10/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm.

2. Tại bản tự khai ngày 17/02/2022 và tại phiên tòa chị Lê Thị Hồng N trình bày:

Chị và chị Nguyễn Thị T là hàng xóm của nhau.

Trước đây chị có nhiều lần vay tiền của chị Nguyễn Thị T và đóng lãi theo mức lãi suất là vay 01 triệu đồng lãi 50.000 đồng một tháng. Tính đến ngày 02/10/2020 chị còn nợ chị T số tiền gốc là 400.000.000 đồng và 60.000.000 đồng tiền lãi. Chị T có viết giấy mượn tiền ngày 02/10/2020 gộp cả gốc và nợ lãi thành 460.000.000 đồng và yêu cầu chị xác nhận giấy mượn tiền trên.

Chị xác nhận chữ ký người mượn tiền trong giấy mượn tiền đề ngày 02/10/2020 giữa chị và chị T đúng là chữ ký của chị.

Đối với nội dung giấy mượn tiền và các thỏa thuận trong giấy mượn tiền bao gồm lãi suất 0,5% một tháng là đúng thỏa thuận của chị với chị T, chị không có ý kiến gì.

Nay chị T khởi kiện yêu cầu chị phải có trách nhiệm thanh toán cho chị T số tiền 460.000.000 đồng và tiền lãi 0,5% một tháng cho đến khi xét xử xong vụ án thì chị có ý kiến như sau:

Đối với khoản nợ 460.000.000 đồng nhưng thực tế nợ gốc chỉ có 400.000.000 đồng nên chị đồng ý thanh toán cho chị T 400.000.000 đồng.

Đối với 60.000.000 đồng tiền lãi chị T cộng dồn vào ngày 02/10/2020 thì chị đã xin chị T không phải đóng khoản lãi này và các khoản lãi 0,5% một tháng theo thỏa thuận chị T cũng đã đồng ý cho chị không phải thanh toán tiền lãi và chỉ trả nợ gốc.

Chứng cứ về việc chị T không yêu cầu chị tính lãi, chị không cung cấp được cho Tòa án do chị và chị T chỉ thỏa thuận bằng miệng không lập thành văn bản. Số tiền nợ gốc 400.000.000 đồng, chị đồng ý thanh toán cho chị T nhưng do hoàn cảnh của chị khó khăn chị vay tiền của chị Thúy nhưng bị bạn bè lừa và buôn bán thua lỗ nên hiện nay không có tài sản để thanh toán một lần cho chị T; chị xin chị T cho chị được thanh toán dần, hàng tháng chị buôn bán được bao nhiêu sẽ trả dần cho chị T mỗi tháng 2.000.000 đồng. Đối với khoản nợ vay của chị T là vay riêng không liên quan đến chồng chị, chị tự thanh toán khoản nợ này.

3. Ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa:

+ Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong việc xác định thẩm quyền, thu thập chứng cứ và tiến hành tố tụng đúng quy định. Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn được đảm bảo quyền lợi và chấp hành pháp luật trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung giải quyết vụ án : Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 351 Bộ luật dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị T, buộc bị đơn chị N phải trả cho nguyên đơn chị T số tiền nợ 460.000.000 đồng (bốn trăm sáu mươi triệu đồng).

Về án phí : Bị đơn chị N phải chịu án phí theo quy định của Nghị Quyết 326/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T cho rằng ngày 02/10/2020 chị có cho chị N vay số tiền là 460.000.000 đồng, hai bên có làm giấy nợ; thỏa thuận lãi suất

0,5%/tháng, thời hạn trả lãi vào ngày 10 tây hàng tháng nhưng chị N vi phạm nghĩa vụ trả lãi đối với chị T nên chị T khởi kiện yêu cầu chị N trả nợ là 460.000.000 đồng. Tại phiên tòa, chị N khai chị có vay tiền của chị T nhiều lần bắt đầu từ cuối năm 2018 đến nay với số tiền nợ gốc là 400.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng, chị có trả lãi cho chị N đầy đủ; sau đó, chị không trả lãi cho chị T 02 tháng với số tiền là 40.000.000 đồng nên vào ngày 02/10/2020 chị T viết giấy nợ với số tiền 460.000.000 đồng, lãi suất 0,5%/tháng và yêu cầu chị ký vào giấy nợ trên. Người đại diện cho chị T không thừa nhận lời khai của chị N nhưng chị N không đưa ra được chứng cứ để chứng minh cho lời khai của chị N là có căn cứ. Chị N có cung cấp cho Hội đồng xét xử, tờ giấy phô tô tin nhắn Zalo giữa em chị N với chị T. Theo quy định tại Điều 95 Bộ luật tố tụng dân sự “*Tài liệu đọc được nội dung được coi là chứng cứ nếu là bản chính hoặc bản sao có công chứng, chứng thực hợp pháp hoặc do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cung cấp, xác nhận*”. Như vậy, tờ giấy phô tô chị N cung cấp tại phiên tòa không được xem là chứng cứ.

[2.2] Về lãi suất: Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn rút yêu cầu lãi suất nên Hội đồng xét xử đình chỉ phần yêu cầu lãi suất.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T đối với chị Lê Thị Hồng N.

Buộc chị Lê Thị Hồng N phải thanh toán cho chị Nguyễn Thị T số tiền 460.000.000 đồng (Bốn trăm sáu mươi triệu đồng).

[2.4] Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, yêu cầu của chị Nguyễn Thị T được chấp nhận nên chị Lê Thị Hồng N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án dân sự là 22.400.000 đồng (Hai mươi hai triệu bốn trăm nghìn đồng).

Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí là 11.430.000 đồng cho chị Nguyễn Thị T theo biên lai thu số 0005465 ngày 22 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện LT.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện LT là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 150, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 463, 465, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T đối với chị Lê Thị Hồng N về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc chị Lê Thị Hồng N phải thanh toán cho chị Nguyễn Thị T số tiền nợ là 460.000.000 đồng (bốn trăm sáu mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về lãi suất: Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T đối với bị đơn chị Lê Thị Hồng N phần lãi suất.

3. Về án phí: Chị Lê Thị Hồng N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án dân sự là: 22.400.000 đồng (Hai mươi hai triệu bốn trăm nghìn đồng).

Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí là 11.430.000 đồng cho chị Nguyễn Thị T theo biên lai thu số 0005465 ngày 22 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện LT.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T, bị đơn chị Lê Thị Hồng N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát nhân dân H. LT;
- Chi cục Thi hành án dân sự H.LT;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, Văn phòng, Thẩm phán (3).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Tấn Hưng